

Số: 03 /2019/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 18 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 116/TTr-STTTT ngày 11 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2019 và thay thế Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBNDTTQ tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- CSDLQG về PL (Sở TP);
- TTCB; Công TTĐT tỉnh; Đài PTTH; Báo BD;
- LĐVP, Dg, TH, Tin học;
- Lưu: VT. 44

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Hưng

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II
của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2019/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia kết nối, quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi tắt là *Mạng TSLCD cấp II*) là phân hệ của mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối tới các thiết bị đầu cuối tại:

Cấp tỉnh bao gồm các cơ quan, tổ chức trực thuộc Tỉnh ủy, các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;

Cấp huyện bao gồm các Huyện/Thị/Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/ thành phố;

Cấp xã bao gồm Đảng ủy các xã/phường/thị trấn và các cơ quan tương đương,

do doanh nghiệp viễn thông cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác trên địa bàn.

2. Đơn vị sử dụng Mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Dương là các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào Mạng TSLCD cấp II.

**Chương II
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II**

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành Mạng TSLCD cấp II

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc

quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi tắt là *Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT*).

2. Chi phí sử dụng Mạng TSLCD cấp II và tài nguyên Internet (địa chỉ IP và tên miền) thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD cấp II thông qua Trung tâm Thông tin điện tử (trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông) theo nhu cầu và mức độ sử dụng thực tế của từng đơn vị trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 4. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng TSLCD cấp II

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Xây dựng kế hoạch phát triển Mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
2. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên Mạng TSLCD cấp II.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền quy định kết nối và lập dự toán kinh phí sử dụng Mạng TSLCD cấp II.
4. Chủ trì kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên Mạng TSLCD cấp II.
5. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về mạng truyền số liệu chuyên dùng; hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác hiệu quả Mạng TSLCD cấp II.
6. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông và Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình khai thác, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho Mạng TSLCD cấp II

1. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
2. Xây dựng và công bố quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu; thương thảo, ký kết hợp đồng với Trung tâm Thông tin điện tử để cung cấp kết nối và dịch vụ trên Mạng TSLCD cấp II cho tất cả các đơn vị sử dụng theo quy định trên địa bàn tỉnh.

3. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, độ sẵn sàng đối với các điểm kết nối thuộc Mạng TSLCD cấp II. Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên Mạng TSLCD cấp II.

4. Tuân thủ các quy định về kết nối, chất lượng mạng và bảo đảm an toàn thông tin đối với Mạng TSLCD theo quy định do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

5. Huy động hạ tầng, năng lực của doanh nghiệp để phục vụ thông tin khẩn cấp theo yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước tại địa phương.

6. Triển khai các giải pháp, hệ thống thiết bị dự phòng và con người để bảo đảm cơ sở hạ tầng Mạng TSLCD cấp II hoạt động liên tục và an toàn.

7. Phải báo cáo và chịu sự giám sát, thẩm định của Cục Bưu điện Trung ương đối với các dịch vụ cung cấp trên mạng truyền số liệu chuyên dùng và các sự cố đối với Mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

8. Định kỳ trước 15 tháng 6 và 10 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng Mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và cá nhân sử dụng Mạng TSLCD cấp II

1. Quản lý, khai thác và bảo vệ thiết bị mạng của điểm kết nối đặt tại cơ quan, đơn vị theo quy định về mạng truyền số liệu chuyên dùng và biên bản bàn giao thiết bị giữa Trung tâm Thông tin điện tử, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và đơn vị sử dụng Mạng TSLCD cấp II.

2. Bảo đảm nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng TSLCD cấp II theo đúng quy định của pháp luật.

3. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng số liệu chuyên dùng không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng số liệu chuyên dùng.

4. Khi có sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối, dịch vụ và Trung tâm Thông tin điện tử biết để giải quyết.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan như:

a) Quản lý hệ thống tường lửa của cơ quan, đơn vị đối với Mạng TSLCD cấp II;

b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của cơ quan, đơn vị được thiết lập (nếu có) trên nền tảng Mạng TSLCD cấp II;

c) Quản lý các tên miền của cơ quan, đơn vị;

d) Quản lý các chính sách kết nối Internet của cơ quan, đơn vị thông qua Mạng TSLCD cấp II;

đ) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối Mạng TSLCD cấp II, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của cơ quan, đơn vị phải thông báo với Trung tâm Thông tin điện tử và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng.

6. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến Mạng TSLCD cấp II, phải thông báo cho Trung tâm Thông tin điện tử và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng truyền số liệu chuyên dùng.

7. Bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng; xây dựng quy chế nội bộ về việc sử dụng Mạng TSLCD cấp II.

8. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.

9. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng Mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng Mạng TSLCD cấp II, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./#

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Minh Hưng